

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU'**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên : Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học trái đất, Chuyên ngành: Địa lý

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGÔ THỊ THU TRANG

2. Ngày tháng năm sinh: 22/4/1980; Nam  Nữ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Ấp 5, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 121, đường 21B, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 121, đường 21B, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0947677788; E-mail: [thutrangnt@hcmussh.edu.vn](mailto:thutrangnt@hcmussh.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 09/2006 đến 27/01/2016: Giảng viên Khoa Địa Lý, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.
- Từ 28/01/2016 đến 14/08/2017: Phó trưởng Khoa Địa Lý, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.
- Từ 15/08/2017 đến 31/07/2023: Trưởng phòng Đào tạo, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

- Từ 01/08/2023 đến nay: Trưởng Khoa Địa lý, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.
- Từ 19/12/2018 đến nay: Kiêm nhiệm Phó Giám đốc Trung tâm phát triển Nông thôn Saemaul Undong, trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Địa lý; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng, Trưởng khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028. 3829 3828 – 130

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH vào ngày 21 tháng 10 năm 2002; số văn bằng: 12ĐL/02; ngành: Địa lý, chuyên ngành: Địa lý du lịch; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 7 năm 2006; số văn bằng: PAU 5614038; ngành: Địa lý; chuyên ngành: Xã hội, Quy hoạch, Lãnh thổ; nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Pau và Vùng Adour, Cộng hòa Pháp.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 26 tháng 5 năm 2014; số văn bằng: PAU 8146173; ngành: Địa lý; Trường Đại học Pau và Vùng Adour, Cộng hòa Pháp.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ...tháng...năm..., ngành: ...**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.**

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Trái đất - Mỏ**

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Sinh kế và phát triển bền vững theo tiếp cận Địa lý nhân văn
- Địa lý Du lịch và Du lịch nông thôn

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng): đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh “Hồ Thị Hương Giang” bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Địa lý với chủ đề “Le parc public à Hồ Chí Minh ville : pratiques et significations” (Công viên công cộng TP.HCM: thực tiễn và ý nghĩa); tại trường Đại học Pau và Vùng Adour, Cộng hòa Pháp vào năm 2020, mục 4.[1].
- Đã hướng dẫn (số lượng): Hướng dẫn chính 04 học viên cao học (HVCH), mục 4. [2];[3];[4];[5] và hướng dẫn phụ 01 học viên cao học mục 4.[6], bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ, ứng viên hướng dẫn các HVCH theo 02 hướng nghiên cứu: (1) Sinh kế và phát triển bền vững theo tiếp cận Địa lý nhân văn; (2) Địa lý du lịch và Du lịch nông thôn
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài với vai trò là chủ nhiệm đề tài trong đó có 01 đề tài cấp nhà nước; 01 đề tài cấp tỉnh; 01 đề tài cấp Đại học Quốc Gia và 01 đề tài cấp Trường. Ngoài ra ứng viên tham gia 03 đề tài cấp nhà nước với vai trò là thư ký khoa học hoặc là thành viên chính (theo mục 6 phần B).
- Đã công bố (số lượng) **31 bài báo** khoa học, trong đó có 18 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (11 bài báo quốc tế: ISI/Scopus) (04 bài là tác giả chính), 01 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế; 06 bài đăng trong tạp chí quốc tế khác; 06 bài đăng trong tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISBN, 07 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia.
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 quyển sách, trong đó có 01 quyển sách chuyên khảo do tác giả chủ biên và biên soạn, được xuất bản bởi nhà xuất bản (NXB) có uy tín: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, và 02 bài viết trong sách tham khảo do tác giả tham gia viết bài.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

- Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo tặng Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2020 – 2021.
- Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018 – 2020.
- Ban chấp hành Trung ương Hội nông dân Việt Nam tặng Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam” đã có công lao đóng góp xây dựng giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam.
- Hội nữ tri thức Việt Nam tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong Nghiên cứu khoa học (giai đoạn 2016 – 2018).
- UBND tỉnh Đồng Tháp tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- UBND tỉnh Bến Tre tặng Bằng khen đã tích cực ủng hộ vật chất trong việc xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- UBND tỉnh Bạc Liêu tặng Bằng khen có thành tích trong chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2019 -2020.
- UBND tỉnh Ninh Thuận tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia đóng góp, hỗ trợ kinh phí, vật chất trong công tác an sinh xã hội, phát triển kinh tế, tổ chức các sự kiện quan trọng của tỉnh trên địa bàn huyện Ninh Hải.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): .....

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### *1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo*

Căn cứ theo Luật Giáo dục 2019 quy định tiêu chuẩn của nhà giáo tại điều 67 và nhiệm vụ của nhà giáo tại điều 69. Bản thân ứng viên tự nhận thấy đáp ứng đầy đủ về tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại trường Đại học, cụ thể:

#### ➤ *Về tiêu chuẩn:*

- a) Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt: Luôn giữ vững phẩm chất và đạo đức của một nhà giáo, có lối sống lành mạnh, nghiêm túc, sống chan hòa, nhân ái, có quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, những người xung quanh và sinh viên, học viên. Luôn có thái độ chân thành, học hỏi, có ý thức hợp tác, chia sẻ trong công việc và chuyên môn. Nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên, học viên sau đại học trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- b) Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm: Luôn không ngừng học tập, tham gia đào tạo và tích lũy bằng cấp, chứng chỉ liên quan tới vị trí, việc làm và đáp ứng tiêu chuẩn giảng dạy và nghiên cứu trong môi trường Đại học;
  - Về đào tạo: Tham gia giảng dạy theo lĩnh vực ưu tiên nghiên cứu, hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh trong hoàn thành luận án và được cấp bằng. Tham gia vào hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Địa Lý với vai trò là Chủ tịch hội đồng, trực tiếp đóng góp và xây dựng chương trình đào tạo.
  - Về nghiên cứu khoa học: liên tục, tích cực tham gia nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, công bố khoa học làm tài liệu tham khảo hoặc ứng dụng tốt cho các nhà khoa học, người học và cộng đồng. Bên cạnh đó, ứng viên tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo về khoa học trong nước và quốc tế, phản biện các bài báo trong và ngoài nước.
- c) Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: ứng viên tích cực tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng, đạt chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II” vào tháng 12 năm 2017, chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng” tháng 10/2019.
- d) Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp: Ứng viên đáp ứng đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

➤ Về nhiệm vụ nhà giáo (giảng viên)

- a) Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, ứng viên nhận thấy nhiệm vụ quan trọng của người “Thầy” là truyền kiến thức, kỹ năng, thái độ cho từng sinh viên khi tham gia lớp học. Ứng viên luôn đảm bảo chuẩn đầu ra của môn học được xây dựng trên triết lý giáo dục “Toàn diện, khai phóng, đa văn hoá” và giá trị cốt lõi “Sáng tạo, dẫn dắt, trách nhiệm” của nhà trường. Theo kết quả khảo sát của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, các học phần do ứng viên phụ trách được người học đánh giá tốt theo các tiêu chí do Trường đưa ra phù hợp với mục tiêu, nguyên lý giáo dục của nhà trường. Điểm đánh giá trung bình từ người học về Giảng viên là 4,59/5. Điểm số này luôn cao hơn mức trung bình của Trường là 4,43.
- b) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo: ứng viên có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng và lành mạnh; luôn thực hiện đúng nghĩa vụ công dân, luôn trong tâm thế phụng sự cho sự phát triển của nhà trường, của xã hội; luôn chấp hành những quy định của Đảng, Nhà nước và của tổ chức; thực hiện chuẩn mực những quy tắc, ứng xử của nhà giáo trong giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và trong các mối quan hệ xã hội, gia đình.
- c) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; luôn gương mẫu trong công việc, dám nghĩ, dám làm; tích cực hướng dẫn học viên sau đại học thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo; tham gia các Hội đồng đánh giá khoá luận, luận văn, luận án cho bậc đại học và sau đại học; hướng dẫn sinh viên trong thực hiện tốt việc học và tích lũy các điều kiện tốt nghiệp.
- d) Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học. Ứng viên tích cực tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị hành chính và đã được cấp Bằng trung cấp chính trị vào tháng 08/2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 04 tháng là giảng viên của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM. Từ 2017 đến 08/2023 là Trưởng phòng Đào tạo. Áp dụng theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 20/2020/TTBGDĐT (Giảng viên = 270 giờ chuẩn). Theo quyết định số 1500QĐ/-XHNV-TCCB; Theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, Trưởng phòng, định mức giờ chuẩn **giảm** 75%, còn lại 25%, tương đương 67,5 giờ.

Từ 08/2023 đến nay là Trưởng Khoa Địa Lý. Áp dụng theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 20/2020/TTBGDĐT (Giảng viên = 270 giờ chuẩn). Theo quyết định số 1500QĐ/-XHNV-TCCB; Theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, Trưởng phòng, định mức giờ chuẩn **giảm** 30%, còn lại 70%, tương đương 189 giờ.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS): (Chỉ cần 6 năm và ghi rõ cho 3 năm cuối: 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức <sup>(*)</sup>
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
6	2018-2019		1			86	30	116/136,2/67,5
7	2019-2020			1		116	30	146/169,2/67,5
4	2020-2021			3		75	0	75/78/67,5
<b>03 năm học cuối</b>								
5	2021-2022			1		60	30	90/105/67,5
6	2022-2023					60	60	120/141/67,5
7	2023-2024					135	165	300/355,5/189

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 1998 đến năm 2002
- Bảo vệ luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ tại nước: Cộng hòa Pháp từ năm 2004-2005 và 2010-2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, ĐHQG-HCM (giảng dạy môn “Expression Oral” cho sinh viên Khoa Pháp vào năm 2016-2017)

d) Đối tượng khác;  Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tiếng Anh giao tiếp và viết báo khoa học

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/B SNT	Chính	Phụ			
1	Hồ Thị Hương Giang	x			x	2015-2020	Đại học Pau và vùng Adour, Cộng hoà Pháp	2020
2	Nguyễn Thị Kim Thoa		x	x		2020-2022	Trường ĐH KHXH&NV ĐHQG-HCM	2022
3	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc		x	x		2019-2022	Trường ĐH KHXH&NV ĐHQG-HCM	2022
4	Trần Anh Phương		x	X		2019-2022	Trường ĐH KHXH&NV ĐHQG-HCM	2022
5	Ngô Thị Thanh Thúy		x	x		2019-2020	Trường ĐH KHXH&NV ĐHQG-HCM	2020
6	Bùi Thị Kim Ngân		x		x	2017-2018	Trường ĐH Bách Khoa ĐHQG-HCM	2018

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi có bằng Tiến sĩ						
1	Périurbanisation et Modernité à Hồ Chí Minh	CK	Nhà Xuất bản uy tín: NXB ĐHQG HNội, 2023	1	Biên soạn toàn bộ quyển sách	Sách 330 trang	Khoa Địa lý Khoa Đô Thị Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM
2	Phát triển bền vững du lịch Long An, thực trạng và triển vọng, <i>Tác giả bài viết</i> Phát triển làng nghề trồng mai xã Tân Tây gắn với phát triển du lịch Long An đến năm 2030	TK	Nhà Xuất bản uy tín: NXB ĐHQG HCM, 2023	1	Tác giả một bài viết trong quyển sách	Sách 558trang Bài viết từ trang 304-321	Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM Khoa Công nghiệp văn hóa, Trường Đại học Thủ Dầu Một
3	Đồng Tác giả bài viết Rural-Urban migration and environmental change: vulnerability nexus from the Vietnamese Mekong Delta to Hochiminh City	TK	NXB uy tín của Pháp AFD(Agence Francais de Développement) 06/2022	3	Tác giả một bài viết trong quyển sách	Sách 308 trang Bài viết từ trang 201-236	Khoa Xã hội học và Khoa Địa lý, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM



Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: mục 5[1]

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Giải pháp nâng cao năng lực thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của hộ nông dân quanh hệ thống cống đập Ba Lai tỉnh Bến Tre	CN	51/HĐ-SKHCN Đề tài cấp Tỉnh	2020 -2022	2022 Đạt
2	Giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam đến năm 2030	CN	07/HĐ-KHCN-NTM Đề tài cấp Nhà nước	2020-2021	2021 Đạt
3	Thích ứng sinh kế của hộ nuôi trồng thủy sản quanh công trình cống đập Ba Lai, tỉnh Bến Tre	CN	C2018-18b-10 Đề tài cấp Đại học Quốc Gia TP.HCM	2018-2021	2021 Đạt
4	Sinh kế và năng lực thích ứng của người nhập cư Khmer ở khu vực ven đô Thành phố Hồ Chí Minh	CN	Đề tài cấp trường ĐHKHXH&NV	2015-2016	2016 Đạt
5	Đánh giá thực trạng và đề xuất	TK, TVC	Đề tài Cấp NN	2021-2022	

	giải pháp chuyển tải các giá trị nhân văn vào sản phẩm OCOP trong xây dựng nông thôn mới (NTM) ở các vùng dân tộc thiểu số Nam Bộ	chủ chốt			2022 Đạt
6	Nghiên cứu giải pháp chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với hạn mặn vùng Tây Nam Bộ, nghiên cứu trường hợp điển hình tại Bến Tre	TVC	Đề tài Cấp Nhà nước	2017-2021	2021 Đạt
7	Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới	TVC	Đề tài Cấp Nhà nước	2019-2021	2021 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Sau khi được công nhận PGS/TS							
<b>A. Bài báo quốc tế</b>								
1	Multi-scale drivers of land-use changes at farm level I: Conceptual framework and application in the highly flooded zone of the Vietnamese	5		Land, ISSN: 2073445X	ISI(SCIE) (Q1,IF=3.9)	<a href="https://www.mdpi.com/2073-445X/12/7/1273">https://www.mdpi.com/2073-445X/12/7/1273</a>	12(7), 1273; <a href="https://doi.org/10.3390/land12071273">https://doi.org/10.3390/land12071273</a>	2023

	Mekong Delta							
2	Multi-scale drivers of land-use changes at farm level II: Application of conceptual framework in the salinity intrusion zone of the Vietnamese Mekong Delta and cross-case comparison with the highly flooded zone	5		Land, ISSN: 2073445X	ISI(SCIE) (Q1,IF=3.9)	<a href="https://www.mdpi.com/2073-445X/12/10/1873">https://www.mdpi.com/2073-445X/12/10/1873</a>	12(10), 1873; <a href="https://doi.org/10.3390/land12101873">https://doi.org/10.3390/land12101873</a>	2023
3	Mainstreaming Ecotourism as an Ecosystem-based Adaptation in Vietnam: insights from three different value chain models	4	X (First author)	Environmental, Development and Sustainability ISSN: 0272-7714	ISI(SCIE) (Q1, IF=4.080)	<a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-022-02481-6">https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-022-02481-6</a>	DO - 10.1007/s10668-022-02481-6	2022
4	Impact of a saline water control project on aquaculture livelihoods in the Vietnamese Mekong Delta	6	X (First author)	Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies ISSN: 2044-0839	ISI (ESCI) (Q1, IF=2.7)	<a href="https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JADEE-06-2021-0155/full/html">https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/JADEE-06-2021-0155/full/html</a>	Vol. 13 No. 3, pp. 418-436	2022
5	Livelihood sustainability of rural households	2	X (First author)	Environmental Development ISSN:	ISI (SCIE) (IF=3.326, Q1)	<a href="https://www.sciencedirect.com/science/art">https://www.sciencedirect.com/science/art</a>	Vol. 39 (2021): p.100653.	2021

	in adapting to environmental changes: An empirical analysis of ecological shrimp aquaculture model in the Vietnamese Mekong Delta			2211-4645		icle/abs/pii/S211464521000506		
6	Changes in mangrove vegetation, aquaculture and paddy cultivation in the Mekong Delta: A study from Ben Tre Province, southern Vietnam	03		Estuarine, Coastal and Shelf Science 226 (2019) 106273 ISSN: 0272-7714	ISI (SCI) (IF=2.929, Q1)	<a href="https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0272771419303907">https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0272771419303907</a>	Vol. 226, p. 106273	2019
7	Mangroves of Vietnam : Historical development, current state of research and future threats.	05		Estuarine, Coastal and Shelf Science ISSN: 0272-7714	ISI (SCI) (IF=2.929, Q1)	<a href="https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0272771418307595">https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0272771418307595</a>	Vol. 218, p. 212-236	2019
8	Land-use dynamics in the Mekong delta: From national policy to livelihood sustainability	15		Sustainable Development ISSN:1099-1719	ISI (SSCI) (IF=6.109, Q1)	<a href="https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/sd.2036">https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/sd.2036</a>	Vol. 28 p. 448-467.	2019
9	Farmer adoptability for	14		Journal of Environmental	ISI (SSCI)	<a href="https://www.tandfonline.co">https://www.tandfonline.co</a>	Vol. 62	2019

	livelihood transformations in the Mekong Delta: a case in Ben Tre province			Planning and Management ISSN: 0964-0568 (Print) 1360-0559 (Online)	(IF=2.735, Q1)	m/doi/full/10.1080/09640568.2019.1568768	p. 1603-1618.	
10	Evaluation of retrofitting responses to urban flood risk in Ho Chi Minh City using the Motivation and Ability (MOTA) framework	11		Sustainable Cities and Society ISSN: 2210-6707	ISI (SCIE) (IF=7.587, Q1)	<a href="https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S2210670718304888">https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S2210670718304888</a>	Vol. 47 P. 01-10.	2019
11	Eco-agritourism as an Ecosystem-based adaptation (EBA) against climate change impacts for the Vietnamese Mekong Delta: a view point	2	X (First author)	Earth and Environmental Science	Scopus Online ISSN: 1755-1315 Print ISSN: 1755-1307	<a href="https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1755-1315/1028/1/012003">https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1755-1315/1028/1/012003</a>	Vol. 1028, No. 1, p. 012003)	2022
12	Exploring the roles of Social Network in rural Culture -A case study of Shrimp Farming in Bentre Province, Vietnam	3		5 <sup>th</sup> International Conference on History and Culture	ISBN:978-625-7464-07-9	<a href="https://scholar.google.com/citations?view_op=view_citation&amp;hl=en&amp;user=dMkgtC0AAAAJ&amp;citation_for_view=dMkgtC0AAAAJ:roLk4NBRz8UC">https://scholar.google.com/citations?view_op=view_citation&amp;hl=en&amp;user=dMkgtC0AAAAJ&amp;citation_for_view=dMkgtC0AAAAJ:roLk4NBRz8UC</a>	<a href="http://www.izdas.org/history">www.izdas.org/history</a> 149-156	2021
13	Vulnérabilité face aux catastrophes	6		HAL Id: hal-03258918 <a href="https://hal.archi">https://hal.archi</a>	Hal Open science	<a href="https://scholar.google.com/citations?view_">https://scholar.google.com/citations?view_</a>	Vol. 6(6), 1-18	2021

	naturelles : comportements de mise en protection et gestion de l'évacuation en cas de crue rapide			ves- ouvertes.fr/hal- 03258918 <a href="https://hal.univ-grenoble-alpes.fr/IRIT-SMAC/hal-03258918v1">https://hal.univ-grenoble-alpes.fr/IRIT-SMAC/hal-03258918v1</a>	ISSN:2525- 2488/ISBN 978-604- 62-9252-4.	op=view_citation&hl=en&user=dMkgtC0AAAAJ&citation_for_view=dMkgtC0AAAAJ:2osOgNQ5qMEC		
14	Hồ Chí Minh-Ville, un patrimoine bâti qui s'en va : le cas de l'arrondissement n° 1	02	(Corresponding author)	EchoGéo, 40 2017 ISSN online 1963-1197		<a href="https://journals.openedition.org/echogeo/14948">https://journals.openedition.org/echogeo/14948</a>	Vol. 40 P.01-09	2017
15	Femmes et habitats périurbains : recompositions de genre à Hồ Chí Minh ville	02	(Corresponding author)	EchoGéo ISSN online 1963-1197		<a href="https://journals.openedition.org/echogeo/14865">https://journals.openedition.org/echogeo/14865</a> <a href="https://doi.org/10.4000/echogeo.14865">https://doi.org/10.4000/echogeo.14865</a>	Vol. 39 P.01-17	2017
16	The ancestor worship practices' evolutions in peri-Urban Vietnam a case of study in hochiminh city	02	X (First and Corresponding author)	Journal of Historical Archaeology & Anthropological Sciences ISSN: 2573-2897		<a href="https://scholar.google.com/scholar?cluster=8768550235040048883&amp;hl=en&amp;oi=scholar">https://scholar.google.com/scholar?cluster=8768550235040048883&amp;hl=en&amp;oi=scholar</a>	Vol. 2 Issue 2 P.45-50	2017
17	Mobilité quotidienne dans l'espace périurbain à Binh Tan (Municipalité de Hồ Chí Minh-	1	X	Les Cahiers d'Outre –Mer, n° 269, vol 68, p. 33-46. 2015 ISBN: 978-2-86781-976-6 ISSN: 0373-		<a href="https://www.cairn.info/revue-les-cahiers-d-outre-mer-2015-1-page-63.htm">https://www.cairn.info/revue-les-cahiers-d-outre-mer-2015-1-page-63.htm</a>	Vol. 68 P. 63-80	2015

	Ville)			5834				
18	Les réactions de la communauté citadine de Hồ Chí Minh-Ville aux inondations et à la fièvre hémorragique virale	04	Corresponding author	Les Cahiers d'Outre –Mer, n° 269, vol 68 ISBN: 978-2-86781-976-6 ISSN: 0373-5834		<a href="https://www.cairn.info/revue-les-cahiers-d-outre-mer-2015-1-page-33.htm">https://www.cairn.info/revue-les-cahiers-d-outre-mer-2015-1-page-33.htm</a>	Vol. 68 (269), P. 33-50.	2015
<b><i>Bài báo trong nước</i></b>								
19	Giải pháp xây dựng “xã nông thôn mới thông minh” gắn với phát triển du lịch nông thôn: trường hợp xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	01	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học địa lý toàn quốc, lần thứ XIV, năm 2024. NXB Thanh Niên ISBN 978-604-41-3801-5			Quyển 1 Trang 730-740	2024
20	Giải pháp phát triển du lịch thông minh gắn với vườn cây ăn trái: trường hợp xã Lâm Sơn (huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận)	02	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học địa lý toàn quốc, lần thứ XIV, năm 2024. NXB Thanh Niên ISBN 978-604-41-3801-5			Quyển 1 Trang 566-576	2024
21	Một số vấn đề về quy hoạch vùng cây ăn quả phục vụ phát triển du lịch: Trường hợp xã Lâm Sơn (huyện	02	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia năm 2023 “Khoa học địa lý: cách tiếp cận, quan điểm và hướng đi		<a href="https://vnuhcm.press.edu.vn/Ky-yeu-Hoi-thao-Quoc-gia-nam-2023-%E2%80%9C%E2%80%99C%E2%80%99C-Khoa-hoc-dia-ly-cao-hoc-va-huong-di">https://vnuhcm.press.edu.vn/Ky-yeu-Hoi-thao-Quoc-gia-nam-2023-%E2%80%9C%E2%80%99C%E2%80%99C-Khoa-hoc-dia-</a>	Trang 74-86	2024

	Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận)			mới trong quy hoạch và tổ chức lãnh thổ ISBN: 978-604-479-429-7		<a href="http://vnuhcm.press.edu.vn/Ky-yeu-Hoi-thao-Quoc-gia-nam-2023-Khoa-hoc-dia-ly-Cach-tiep-can-quan-diem-va-huong-di-moi-trong-quy-hoach-va-to-chuc-lanh-tho%E2%80%9D-b40842.html">ly-Cach-tiep-can-quan-diem-va-huong-di-moi-trong-quy-hoach-va-to-chuc-lanh-tho%E2%80%9D-b40842.html</a>		
22	Góc nhìn của khoa học địa lý trong định hướng quy hoạch không gian du lịch nông thôn gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	01	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia năm 2023: Khoa học địa lý: cách tiếp cận, quan điểm và hướng đi mới trong quy hoạch và tổ chức lãnh thổ ISBN: 978-604-479-429-7		<a href="https://vnuhcm.press.edu.vn/Ky-yeu-Hoi-thao-Quoc-gia-nam-2023-%E2%80%9C-Khoa-hoc-dia-ly-Cach-tiep-can-quan-diem-va-huong-di-moi-trong-quy-hoach-va-to-chuc-lanh-tho%E2%80%9D-b40842.html">https://vnuhcm.press.edu.vn/Ky-yeu-Hoi-thao-Quoc-gia-nam-2023-%E2%80%9C-Khoa-hoc-dia-ly-Cach-tiep-can-quan-diem-va-huong-di-moi-trong-quy-hoach-va-to-chuc-lanh-tho%E2%80%9D-b40842.html</a>	Trang 109-120	2024
23	Giải pháp tăng cường quảng bá du lịch nông thôn ở Việt Nam	2	X (Tác giả chính và tác giả liên hệ)	Tạp Chí Đại học Thái Nguyên			228(08): 308-315	2023
24	Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII “Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần			Quyển 1 Trang 782-790	2022



				hoàn” NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ ISBN 978-604- 357-112-7				
25	Giải pháp nâng cao sinh kế của hộ dân quanh hệ thống cống đập Ba Lai, tỉnh Bến Tre	1	X	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIII “Khoa học Địa lý Việt Nam với sử dụng hợp lý, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn” NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ ISBN 978-604- 357-113-4			Quyển 2 Trang 516- 526	2022
26	Phân tích các chính sách tác động sản xuất của hộ NTTS tại huyện Ba Tri và Huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	3	Tác giả liên hệ	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XII “Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh và đảm bảo an ninh lãnh thổ” NXB ĐHQG HCM ISBN 978 604			Quyển 2 Trang 1172- 1178	2021

				334 7890				
27	Mâu thuẫn sử dụng nguồn nước dưới tác động Công Đập Ba Lai tỉnh Bến Tre	03	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM			Vol. 3 p.89-98	2019
28	Tính tự lập của nữ giúp việc gia đình tại Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	02	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM			Vol.3 p.79-88	2019
29	Sinh kế nông hộ huyện Giồng Trôm dưới tác động của biến đổi môi trường và thay đổi lịch vận hành công đập Ba Lai	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường				2019
30	Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khmer tại quận ven đô: điển cứu tại Phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân TPHCM	04	X Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM,	<a href="http://stdj.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdj/article/view/752">http://stdj.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdj/article/view/752</a>		Vol 19, No 2: 89-104  Vol. 19, số X2-2016	2016
31	Thách thức thanh niên ven đô Thành phố Hồ Chí Minh- điển cứu tại quận ven Bình Tân	02	X Tác giả chính và tác giả liên hệ	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM			Vol. 17, số X4-2014	2014

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 11 bài báo ISI/Scopus, mục 7.1a [1];[2],[3],[4],[5];[6];[7];[8];[9];[10];[11];trong đó có 04 bài là tác giả chính sau tiến sĩ mục 7.1a [3];[4];[5];[11].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

- Trong đó: Số lượng(ghi rõ các số TT)bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT)bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT)tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Giải pháp phát triển chuỗi giá trị du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam đến 2030	Chủ nhiệm	2022-54-0523/NS-KQNC ngày 26/05/2022	Văn Phòng điều phối NTM Trung Ương Tổng Cục du lịch Sở VH TTDL Đồng Tháp Sở VH TTDL Lâm Đồng Sở VH TTDL Lai Châu	Số 545/VPĐP-NV&MT về việc chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN phục vụ xây dựng NTM	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSN

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV  chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Ngô Thị Thu Trang**